

**Quyết định giám đốc thẩm**

Số: 89/2021/GĐT-DS

Ngày 22-9-2021

Về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tiến, ông Trần Minh Tuấn.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thẩm tra viên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:***

Ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa:

1. *Nguyên đơn:* bà Võ Thị N, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019 của bà N là ông Nguyễn Đức T; địa chỉ: T, TP B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 và ông Mạnh Sơn H, sinh năm 1958; cư trú: Thôn X, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019 của bà B là ông Mạnh Sơn H.

**TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2018, Đơn bổ sung ngày 12/4/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Võ Thị N trình bày:* do quan hệ quen biết nên bà N cho bà B vay tổng số tiền 1.100.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng và kinh doanh, các bên có lập Giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận miệng, cụ thể: *Giấy vay tiền* ngày 24/12/2018, bà B vay 100.000.000 đồng, không ghi ngày trả và *Giấy vay tiền* ngày 01/03/2018, bà B vay 1.000.000.000 đồng, mục đích đáo hạn, hạn trả nợ sau 10 ngày kể từ ngày vay. Hai lần bà B vay tiền đều có mặt chồng bà B là ông Mạnh Sơn H nhưng do không hiểu biết pháp luật nên bà N chỉ yêu cầu mình bà B ký *Giấy vay tiền* mà không yêu cầu ông H ký. Đến nay bà B, ông H chưa trả bất cứ

khoản tiền gốc, lãi nào mặc dù bà N nhiều lần yêu cầu nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà B, ông H liên đới trả 1.100.000.000 đồng vay gốc và yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật.

- *Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các bị đơn là bà B, ông H vắng mặt không có lý do, không có văn bản phản hồi.*

- *Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, ông Mạnh Sơn H có mặt và trình bày: Ông không biết việc bà B vay tiền của bà N, Ông chỉ biết sau khi các chủ nợ đến đòi tiền, lúc này bà B mới nói cho ông H biết bà B vay tiền để cho người khác vay lại nhưng người vay lại tiền của bà B không trả cho bà B. Ngoài việc vay tiền của bà N thì bà B còn vay tiền của bà Thủy, bà Việt, ông Chuẩn, bà Chinh với số tiền khoảng 8 đến 9 tỷ đồng. Ông H trình bày chi phí sinh hoạt trong gia đình lấy từ nguồn thu của Nhà máy đá, hai quầy thuốc tây và 05 sào rẫy, việc bà B vay để cho vay lại và người vay lại không trả chứ bà B không sử dụng cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên ông H không đồng ý liên đới cùng bà B trả nợ bà N.*

- *Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2018/DS-ST ngày 10/09/2018, Tòa án nhân dân huyện C quyết định:*

*Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*- Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015;*

*- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;*

*- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị B và ông Mạnh Sơn H liên đới trả cho bà Võ Thị N số tiền là 1.154.028.000 đồng (một tỉ một trăm năm mươi tư triệu không trăm hai mươi tám nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 1.100.000.000 đồng; nợ lãi là 54.028.000 đồng.*

*Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí giám định, quyền và nghĩa vụ thi hành án và tuyên bố quyền kháng của các đương sự.*

*- Tại Quyết định số 18/2018/DSST ngày 24/9/2018, Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm.*

*- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2019/DS-PT ngày 28/01/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.*

*Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí, **quyền**, nghĩa vụ thi hành án.*

- Ngày 13/02/2019, ông Mạnh Sơn H có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2019/DS-PT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Tại Quyết định số 31/2021/KN-DS ngày 06/8/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2019/DS-PT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm sửa một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2019/DS-PT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc mình bà B trả nợ gốc và lãi cho bà N và tính lại tiền lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 31/2021/KN-DS ngày 06/8/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại *Kết luận giám định* số 345/PC54 ngày 25/7/2018 (bút lục 41) Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận chữ ký, chữ viết dưới đề tên “*Nguyễn Thị B*” tại *Giấy vay tiền* ngày 24/02/2018 (bút lục 26) và *Giấy vay tiền* ngày 01/03/2018 (bút lục 25) so với chữ ký, chữ viết mẫu của B là do cùng một người ký, viết ra. Hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà N đã trả 2 khoản vay này, do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định xác định bà B ký vay, còn nợ bà N tổng cộng 1.100.000.000 đồng theo nội dung 02 *Giấy vay tiền* nêu trên là có cơ sở.

[2] Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng tại *Giấy vay tiền* ngày 01/03/2018, ghi hạn trả sau 10 ngày kể từ ngày vay, nhưng không có thỏa thuận về lãi nên Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tính tiền lãi kể từ ngày hết hạn trả nợ đến khi xét xử sơ thẩm là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Đối với khoản vay 100.000.000 đồng tại *Giấy vay tiền* ngày 24/02/2018, không ghi hạn trả, không ghi lãi suất, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm xét thấy: (i). Bộ luật dân sự năm 2015, **Điều 469. Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn** quy định: “1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì thời gian

hợp lý là không quá 03 tháng; (ii). Xét, trong vụ án này bà N không xuất trình được tài liệu chứng minh đã thông báo yêu cầu bà B trả nợ trước một thời gian hợp lý nên theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP nêu trên cần lấy mức thời gian báo trước tối đa 03 tháng tính từ ngày bà B được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án theo Đơn khởi kiện của bà N để tính ngày bà B vi phạm nghĩa vụ nên phải trả lãi đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự mới đúng; nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị đơn trả lãi tính từ ngày nguyên đơn khởi kiện đến khi xét xử sơ thẩm là không đúng.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà N cho rằng ông H không ký giấy vay tiền nhưng ông H có mặt lúc bà B vay tiền, nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh; trong khi ông H không thừa nhận đi vay tiền cùng bà B, còn các *Giấy vay tiền* chỉ mình bà B ký tên. Theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản trong trường hợp “*nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*” và theo quy định tại khoản 20 Điều 3 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì “*nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường khác không thể thiếu cho cuộc sống của mỗi người, mỗi gia đình*”. Ông H khai chi phí sinh hoạt trong gia đình từ nguồn thu của Nhà máy đá, hai quầy thuốc tây và 05 sào rẫy, việc bà B vay không sử dụng cho sinh hoạt gia đình, nên ông H không đồng ý liên đới cùng bà B trả nợ bà N. Với các căn cứ trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “...*mục đích vay là để làm ăn, đảo hạn ngân hàng*”, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: “...*mặc dù ông H không ký tên nhưng mục đích vay tiền để đảo nợ cho các khoản vay của vợ chồng bà B, ông H tại Ngân hàng. Như vậy có đủ căn cứ bà B vay tiền của bà N để về sử dụng chung trong gia đình*”; từ đó buộc ông H liên đới cùng bà B trả nợ cho bà N là không có cơ sở, không đúng quy định của pháp luật.

[5] Như vậy, với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận nội dung phần nhận định tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 31/2021/KN-DS ngày 06/8/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng (nhận định Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm tính lãi đối với khoản vay 100.000.000 đồng tại *Giấy vay tiền* ngày 24/02/2018, không ghi hạn trả, không ghi lãi suất và buộc ông H liên đới cùng bà B trả nợ bà N là không đúng). Đối với đề nghị của Quyết định kháng nghị đề nghị cấp giám đốc thẩm sửa bản án phúc thẩm, cấp giám đốc thẩm xét thấy trong suốt quá trình tố tụng sơ thẩm, phúc thẩm bà B không có mặt và không có văn bản ghi ý kiến phản hồi; ông H và bà B là vợ chồng và ông H đã có mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên cần hủy Bản án

phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại nhằm triệu tập hợp lệ bà B đến phiên tòa phúc thẩm để nghe bà B trình bày hoặc nếu có tài liệu, chứng cứ thì bà B xuất trình để giải quyết vụ án khách quan, đúng pháp luật; trường hợp bà B cố tình vắng mặt thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

1. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2019/DS-PT ngày 28/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, để xét xử phúc thẩm lại;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật;

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk (kèm hồ sơ vụ án để xét xử phúc thẩm lại);
- TAND huyện C (để biết);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Giám đốc kiểm tra II và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Kim Nhân**